

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18-8-2023

“V/v: Kiện ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Cường

Các hội thẩm nhân dân gồm có: Ông Trần Hữu Linh và ông Ksor Af Lai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện E.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện E: Ông Trịnh Văn Hai – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện E, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2023/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2023 về việc “Kiện ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 03 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị H, sinh năm 1993. Trú tại: Buôn T, xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Bị đơn: Anh Hoàng Văn B, sinh năm 1984. Trú tại: Buôn T, xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có yêu cầu xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2023 và trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh B chung sống với nhau vào 2013, đến năm 2017 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã R, huyện E, Đắk Lắk, trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hay cãi nhau, anh B còn bị nghiện, không lo làm ăn, chăm lo gia đình. Hiện chị H không còn tình cảm với anh B nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh B.

Về con chung: Quá trình chung sống chị H và anh B có 02 con chung: Cháu Q, sinh ngày 12/12/2015; Hoàng Văn Tr, sinh ngày 21/6/2017. Nếu ly hôn thì chị H yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/6/2023 bị đơn anh Hoàng Văn B trình bày:

Về tình cảm: Thừa nhận anh B và chị H chung sống với nhau từ năm 2013 và đến năm 2017 đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống giữa anh B và chị H không có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống. Hiện anh B vẫn còn tình cảm với chị H nên không đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Tr hợp tòa án giải quyết ly hôn thì anh B yêu cầu được nuôi con chung là Q, sinh ngày 12/12/2015, còn chị H nuôi con chung là Hoàng Văn Tr, sinh ngày 21/6/2017, đến khi các con chung trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại anh B đang chấp hành án tại Trại giam Đăk Tân nên không thể làm việc tại Tòa án được. Anh B yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt anh B theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai thể hiện cháu Q có nguyện vọng được sống với mẹ là chị H.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều có yêu cầu đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ, Tòa án đã thu thập đầy đủ và đúng trình tự theo quy định pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện việc chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh B là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị H được ly hôn với anh B.

Về con chung: Giao con chung là các cháu Q, sinh ngày 12/12/2015 và Hoàng Văn Tr, sinh ngày 21/6/2017 cho chị H nuôi dưỡng đến khi các con chung trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Chị H và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Ngoài ra, nguyên đơn pB chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh B, bị đơn có địa chỉ: Buôn T, xã R, huyện E, tỉnh Đăk Lăk, nên thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân huyện E theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị H và bị đơn anh B có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh B chung với nhau từ năm 2013, đến năm 2017 đăng ký kết hôn tại UBND xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Qua trình giải quyết vụ án chị H cho rằng giữa chị H và anh B thường xảy ra mâu thuẫn và kéo dài, tuy anh B cho rằng vẫn còn tình cảm với chị H và không đồng ý ly hôn nhưng chị H vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn vì không còn tình cảm vợ chồng với anh B, mâu thuẫn giữa hai người đã kéo dài một thời gian dài. HĐXX nhận thấy, hôn nhân là sự tự nguyện ý chí của cả vợ và chồng để hướng tới hôn nhân hạnh phúc, hiện chị H không muốn tiếp tục chung sống với anh B nữa. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị H, anh B ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị H yêu cầu ly hôn với anh B là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị H yêu cầu được nuôi dưỡng các cháu Q, sinh ngày 12/12/2015; Hoàng Văn Tr, sinh ngày 21/6/2017, đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh B yêu cầu được nuôi cháu Q, tuy nhiên hiện anh B đang đi chấp hành án nên không có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, yêu cầu của anh B về con chung không được chấp nhận.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét

[6]. Về án phí: Nguyên đơn pB chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 1 Điều 207, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Chị H được ly hôn với anh Hoàng Văn B.

1. Về con chung: Giao cháu Q, sinh ngày 12/12/2015 và cháu Hoàng Văn Tr, sinh ngày 21/6/2017 cho chị H nuôi dưỡng đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

2. Về cấp dưỡng: Chị H và anh Hoàng Văn B không yêu cầu, nên không đề cấp xem xét.

3. Về tài sản: Chị H và anh Hoàng Văn B không yêu cầu tòa án giải quyết, nên không đề cập, xem xét.

4. Về án phí: Chị H thuộc hộ cận nghèo nên được miễn nộp toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện E;
- Thi hành án huyện E;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã R (Số 33/2017);
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, VT.

Đỗ Xuân Cường